TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2023
V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Như Điểm - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 433/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16-01-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02-02-2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương U, sinh năm: 1984 (có mặt).
Trú tại: Số 79, tổ 5, ấp Bắc, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Trú tại: Tổ 7, ấp Phước Hữu, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1958 (vắng mặt).
Trú tại: Tổ 7, ấp Phước Hữu, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Phương U trình bày:

Bà Trần Thị Phương U và ông Trần Ngọc T tự nguyện chung sống từ năm 2007 và đến ngày 12-8-2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phước, thành phố Bà Rịa. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên, sau đó thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã bất hòa. Năm 2014 bà U phát hiện ông

T có quan hệ bên ngoài với người khác nên vợ chồng ly thân nhưng vẫn chung sống một nhà. Từ những lý do đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạt lẽo, không còn yêu thương nhau. Bà và ông T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để cùng lo nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Năm 2020 bà U dẫn các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống mà không sống chung với ông T nữa. Từ khi ly thân cả hai không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà U có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T để ổn định công việc và cuộc sống.

Thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông Tạn không đến Tòa để tham gia hòa giải, bà và ông T cũng không gặp nhau, vợ chồng không ai có thiện chí muốn hàn gắn, tình cảm thực sự không còn nên bà U vẫn yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà U và ông T có 02 con chung là Trần Thái Â, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Khải N, sinh ngày 17/11/2014. Hiện các cháu đều đang sống chung với bà U nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, bà U tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà U xác nhận đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà U xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà U xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập đến Toà làm việc nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông T.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông T và tình trạng mâu thuẫn giữa bà U và ông T, kết quả xác định được ông Trần Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại: Tổ 7, ấp Phước Hữu, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện ông T và bà U không còn chung sống với nhau nữa. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành lấy lời khai người làm chứng để xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà U.

[3]. Về ý kiến của người làm chứng bà Ngô Thị N:

Bà Ngô Thị N là mẹ ruột của ông Trần Ngọc T. Bà N cho biết, sau khi kết hôn anh T và chị U sống chung với gia đình chồng, quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì bà N không rõ. Tuy nhiên, năm 2008 sau khi sinh đứa con đầu thì chị U có bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống một thời gian, rồi lại quay về sống chung với anh T và sinh được con chung thứ hai. Cách đây khảng 3, 4 năm vì mâu thuẫn vợ chồng chị U lại dẫn hai con về bên ngoại sinh sống. Từ đó đến nay anh T và chị U không còn chung sống với nhau

nữa, tỉnh thoảng anh T chở hai con về nhà nội chơi. Thực sự mâu thuẫn giữa anh T và chị U cụ thể như thế nào thì bà không biết rõ nhưng bà thấy hai vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay.

Quá trình chung sống, anh T và chị U có 2 con chung là Trần Thái Â, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Khải N, sinh ngày 17/11/2014. Hiện các cháu đang sống chung với chị U và bà N thấy các cháu được chăm sóc nuôi dưỡng tốt.

Quá trình Tòa án giải quyết nhiều lần gửi giấy triệu tập cho anh T nhưng anh T không đến Tòa làm việc vì cho rằng không đồng ý ly hôn vì thương các con, tuy nhiên anh T cũng nói rằng Tòa án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị U. Với tư cách là người làm chứng bà N chỉ khai những gì bà biết về cuộc sống chung giữa anh T và chị U. Bà N cam kết lời khai của mình là hoàn toàn đúng sự thật.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của ngU đơn, lời khai người làm chứng và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà U đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà U vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà U về việc ly hôn với ông T; về con chung: Giao cả hai con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, công nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà U; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu; về án phí: bà U phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Phương U có đơn xin ly hôn, ông Trần Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Phương U và ông Trần Ngọc T là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn ngU nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Ông T và bà U cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để chung sống cùng chăm lo nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng không còn chung sống, tình cảm không còn, mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng bà U vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T vì theo bà giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ lâu nên không thể hàn gắn.

Bản thân ông T biết rõ việc bà U yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa làm việc để trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà U mà bỏ mặc, điều đó thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ kết quả xác minh nơi vợ chồng ông T bà U sinh sống và lời khai của người làm chứng là mẹ ruột của ông T cũng xác định được mâu thuẫn giữa ông T bà U là có thật, cả hai không còn chung sống cùng nhau. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà U là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà U và ông T là có thật và trầm trọng, dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà U về việc ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống bà U và ông T có 02 con chung là Trần Thái Â, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Khải N, sinh ngày 17/11/2014. Hiện các cháu đều đang sống chung với bà U. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà U cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại bản tự khai các cháu cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, từ khi ly thân bà U vẫn đảm bảo việc chăm sóc nuôi dạy các con chung nên để đảm bảo cho các cháu có điều kiện sống tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu của bà U về việc nuôi con chung, bà U được trực tiếp

nuôi dưỡng con chung là Trần Thái Â và Trần Khải N đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Việc bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà U xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà U phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương U.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương U được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

+ Về con chung: Bà Trần Thị Phương U và ông Trần Ngọc T có 02 con chung là Trần Thái Ân, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Khải Nam, sinh ngày 17/11/2014. Theo nguyện vọng của các cháu Â, N, bà Trần Thị Phương U được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Trần Thái Â, sinh ngày 19/8/2008 và Trần Khải N, sinh ngày 17/11/2014 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà U về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Phương U không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Phương U phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004958 ngày 18-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà U đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15-02-2023), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngọc Anh